

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh học thuộc lòng từng khổ thơ.</li> <li>- Thi đọc thuộc lòng</li>   <li>- Nhận xét, tuyên dương học sinh.</li> </ul>	<p>trường</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thi đọc diễn cảm trước lớp</li> <li>- Học sinh đọc thầm, tự nhẩm để HTL từng khổ thơ, bài thơ.</li> <li>- Các nhóm thi đọc tiếp sức các khổ thơ.</li> <li>- Cá nhân thi đọc thuộc lòng từng khổ thơ theo hình thức “<i>Hái hoa dân chủ</i>” (M1, M2).</li> </ul>
<p><b>5. HĐ ứng dụng (1 phút) :</b> <b>6. HĐ sáng tạo (1 phút)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- VN tiếp tục HTL bài thơ</li> <li>- Suu tầm các bài thơ có chủ đề tương tự</li> </ul>

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....

.....

.....

**TOÁN:**

**TIẾT 147: PHÉP TRỪ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Biết trừ các số trong phạm vi 100 000 (đặt tính và tính đúng).
- Giải bài toán có phép trừ gắn với mối quan hệ km và m.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn kỹ năng trừ các số trong phạm vi 100 000 (đặt tính và tính đúng).

**3. Thái độ:** Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

**4. Góp phần phát triển năng lực:** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* Bài tập cần làm: Bài 1, 2, 3.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng:**

- GV: Phấn màu, bảng phụ
- HS: Bảng con

**2. Phương pháp, kỹ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HS</b>
-------------------------	-------------------------

<p><b>1. HĐ khởi động (3 phút):</b>  T/C <i>Hộp quà bí mật.</i>  +TBHT điều hành  + Nội dung về phép cộng các số trong phạm vi 100 000: Tính  51379 + 37421    21357 + 4208  53028 + 18436    23154 + 31028  + Lốp theo dõi nhận xét, đánh giá.  - Kết nối kiến thức  - Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tham gia chơi</li> <li>- HS tham gia chơi</li> <li>- Nhận xét, đánh giá, tuyên dương bạn nắm vững kiến thức cũ</li> <li>- Lắng nghe -&gt; Ghi bài vào vở</li> </ul>
<p><b>2. HĐ hình thành kiến thức mới (12 phút):</b>  * <b>Mục tiêu:</b> Biết trừ các số trong phạm vi 100 000 (đặt tính và tính đúng)  * <b>Cách tiến hành: (HĐ cả lớp)</b></p>	
<p>* <b>HD thực hiện phép trừ</b>  85674 - 58329 = ?  - GV nêu phép trừ trên bảng rồi gọi HS nêu nhiệm vụ phải thực hiện.  - Gọi HS đặt tính và tính trên bảng.  <math display="block">\begin{array}{r} 85674 \\ - 58329 \\ \hline 27345 \end{array} \Rightarrow 85674 - 58329 = 27345</math>  - Gọi HS nêu lại cách tính (như bài học) rồi cho HS tự viết kết quả của phép trừ.  + <i>Vậy muốn trừ hai số có nhiều chữ số ta làm thế nào?</i>  GV kết luận cách trừ, lưu ý cách đặt tính và thực hiện phép tính</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc phép tính</li> <li>- HS tự nêu cách thực hiện phép trừ (đặt tính rồi tính).</li> <li>- HS thực hiện -&gt; chia sẻ với bạn</li> <li>- HS khác nhận xét, góp ý.</li> <li>- 3 HS trả lời.</li> <li>- HS trả lời</li> </ul>
<p><b>3. HĐ thực hành (17 phút):</b>  * <b>Mục tiêu:</b> Rèn kỹ năng trừ các số trong phạm vi 100 000 (đặt tính và tính đúng)  * <b>Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bài tập 1(cột 1, 2)</b>  - GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập  *<i>Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT.</i>  * GV củng cố về phép trừ có nhiều chữ số  <b>Bài tập 2:</b>  - GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập  - GV yêu cầu HS thực hiện theo YC của bài: làm cá nhân -&gt; cặp đôi  -&gt; GV gợi ý cho HS đối tượng M1</p>	<p>*<b>Làm việc cá nhân – Cả lớp</b>  - 2 HS nêu yêu cầu bài tập  -&gt; HS lên chia sẻ KQ trước lớp kết quả  - Thống nhất cách làm và đáp án đúng</p> $\begin{array}{r} 92986 \quad 73581 \\ - 65748 \quad - 36029 \\ \hline 27238 \quad 37552 \end{array}$ <p>*<b>Làm việc cá nhân – Cặp đôi</b>  - HS nêu yêu cầu bài tập  + HS làm bài cá nhân-&gt; chia sẻ cặp đôi để kiểm tra KQ</p>

<p>hoàn thành BT</p> <p>* GV củng cố, khắc sâu cách đặt tính và cách tính</p> <p><b>Bài tập 3:</b></p> <p>- GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân - &gt;N2-&gt; chia sẻ trước lớp</p> <p>*Lưu ý khuyến khích để đối tượng M2 chia sẻ nội dung bài.</p> <p>* GV củng cố về giải toán có lời văn với mối quan hệ km và m.</p>	<p>+ HS thống nhất KQ chung</p> <p><b>Dự kiến KQ:</b></p> <p>a) 63780    b) 91462    c) 49283</p> <p>- <u>18546</u>    - <u>53406</u>    - <u>5765</u></p> <p>45234        38056        43518</p> <p><b>*HD cá nhân – cặp đôi – cả lớp</b></p> <p>- HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>- HS làm vào vở ghi -&gt; trao đổi vở KT-&gt; chia sẻ trước lớp</p> <p>- Thống nhất cách làm và đáp án đúng</p> <p>Tóm tắt:</p> <p>Quãng đường dài: 25850m</p> <p>Đã trải nhựa: 9850m</p> <p>Còn lại : .....? m</p> <p>Bài giải</p> <p>Độ dài đoạn đường chưa trải nhựa là:</p> <p><math>25850 - 9850 = 16\ 000</math> (m)</p> <p><math>16\ 000\ m = 16\ km</math></p> <p>Đáp số: 16 km</p>
<p><b>3. HD ứng dụng (2 phút)</b></p> <p><b>4. HD sáng tạo (1 phút)</b></p>	<p>- Chữa các phép tính làm sai</p> <p>- Chuyển đổi các số đo ki-lô-mét sang mét và ngược lại</p>

### ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

### THẺ DỤC:

#### HOÀN THIỆN BÀI THẺ DỤC PHÁT TRIỂN CHUNG HỌC TUNG VÀ BẮT BÓNG

##### I. MỤC TIÊU:

##### 1. Kiến thức:

- Hoàn thiện bài thẻ dục phát triển chung với hoa hoặc cờ. Yêu cầu thuộc bài và thực hiện được các động tác tương đối chính xác. Học tung và bắt bóng cá nhân.
- Chơi trò chơi : “Ai kéo khỏe “ Yêu cầu biết cách chơi và biết tham gia chơi.

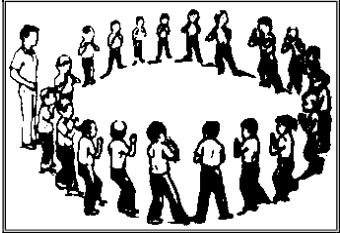
##### 2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng vận động. Tham gia chơi TC đúng luật.

##### 3. Giáo dục:

- Giáo dục tinh thần rèn luyện tích cực.



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lần lượt từng cặp ra thực hiện chơi thử một lượt.</li> <li>- TBTDTT điều hành cho chơi chính thức với 3 lần kéo em nào được hai lần là thắng.</li> </ul>		
Phản kết thúc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh làm các thả lỏng.</li> <li>- Đi chậm xung quanh vòng tròn vỗ tay và hát.</li> <li>- Giáo viên nhận xét đánh giá tiết học.</li> <li>- Dặn dò học sinh về nhà ôn nhảy dây kiểu chụm hai chân.</li> </ul>	<p>1-2' - 1 lần</p> <p>1-2' - 1 lần</p>	

**BUỔI CHIỀU:**

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI: (VNEN)**

**MẶT TRỜI, TRÁI ĐẤT VÀ MẶT TRĂNG (T2)**

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

**TIẾNG ANH:**

*(GV chuyên trách)*

**ÂM NHẠC:**

*(GV chuyên trách)*

**MĨ THUẬT:**

*(GV chuyên trách)*

***Thứ tư ngày 10 tháng 4 năm 2019***

**TOÁN:**

**TIẾT 148: TIỀN VIỆT NAM**

## I. MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức:** HS biết tờ giấy bạc : 20 000 đồng, 50 000 đồng, 100 000 đồng.

2. **Kĩ năng:**

- Nhận biết, phân biệt mệnh giá của các tờ giấy bạc (tờ tiền)
- Bước đầu biết đổi tiền, biết làm tính trên các số với đơn vị là đồng

3. **Thái độ:** Giáo dục học sinh biết quý trọng tiền bạc. Yêu thích học toán.

4. **Góp phần phát triển năng lực:** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* Bài tập cần làm: Bài 1, 2, 3, 4 (dòng 1, 2).

## II. CHUẨN BỊ:

1. **Đồ dùng:**

- GV: Một số tờ tiền mệnh giá 20 000 đồng, 50 000 đồng, 100 000 đồng
- HS: SGK, bộ đồ dùng Toán 3

2. **Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.
- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<b>1. HĐ khởi động (3 phút):</b>  - Kết nối kiến thức - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng.	- Lớp hát tập thể bài <i>Tiền và bạc</i> của nhạc sĩ Hoàng Đăng Khoa
<b>2. HĐ hình thành kiến thức mới (13 phút)</b> <b>* Mục tiêu:</b> HS biết tờ giấy bạc : 20 000 đồng, 50 000 đồng, 100 000 đồng. <b>* Cách tiến hành: (HĐ cả lớp)</b>	
<b>* Giới thiệu các tờ giấy bạc</b> <i>Giới thiệu tờ giấy bạc 20 000 đồng, 50 000 đồng, 100 000 đồng.</i> <i>+ Trước đây khi mua bán các em thường thấy người ta đã quen với những loại giấy bạc nào ?</i> <b>- GV: Ngoài những tờ giấy bạc có mệnh giá, người ta còn sử dụng các tờ giấy bạc có mệnh giá lớn để phục vụ cho chi tiêu</b>  - GV đưa lần lượt từng tờ giấy bạc cho HS quan sát <i>20 000 đồng, 50 000 đồng, 100 000 đồng.</i>  + Yêu cầu HS nhận xét từng tờ giấy bạc.	<i>+ Ta thường dùng một số tờ giấy bạc như: 100 đồng, 2000 đồng, 5000 đồng và 10 000 đồng</i>  - Lắng nghe  - HS quan sát cả 2 mặt của từng tờ giấy bạc và nhận xét một số đặc điểm của các tờ giấy bạc  - Lắng nghe và ghi nhớ

<p>+ Màu sắc của từng tờ giấy bạc.  + Từng tờ giấy bạc có cả phần chữ và phần số.  - GV củng cố một số đặc điểm của từng tờ giấy bạc và các hình ảnh mang tính chất biểu tượng trên các tờ giấy bạc</p>	<p>- HS lắng nghe</p>			
<p><b>3. HĐ thực hành (17 phút)</b>  * <b>Mục tiêu:</b>  - Nhận biết, phân biệt mệnh giá của các tờ giấy bạc (tờ tiền)  - Bước đầu biết đổi tiền, biết làm tính trên các số với đơn vị là đồng  * <b>Cách tiến hành:</b></p>				
<p><b>Bài 1: Cá nhân – Nhóm 2 - Cả lớp.</b>  + GV giao nhiệm vụ  - Gọi học sinh nêu yêu cầu BT1- chia sẻ  + Yêu cầu lớp theo dõi đổi chéo vở và chữa bài.  - TBHT điều hành  *<i>Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT</i>  * <i>Củng cố nhận biết mệnh giá của các tờ giấy bạc</i></p> <p><b>Bài 2: Nhóm đôi – Cả lớp</b>  - GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập  - GV yêu cầu HS làm bài N2  *GV lưu ý HS M1 +M2 (...)  - GV nhận xét, củng cố các bước làm:  B1: Tính số tiền đã mua  B2: Tính số tiền còn thừa.</p> <p><b>Bài 3: Cá nhân – Cả lớp</b>  - GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân  *GV lưu ý HS M1 +M2 cách phân tích các số liệu trong bảng.  =&gt; GV nhận xét, củng cố cách làm bằng phép nhân</p>	<p>- HS làm bài cá nhân – Đổi chéo vở KT  - Chia sẻ KQ trước lớp kết quả  - Thống nhất cách làm và đáp án đúng  *<b>Dự kiến KQ:</b>  <i>Vi a: có 50000 đồng</i>  <i>Vi b: 90 000 đồng</i>  <i>Vi c: có 90 000 đồng</i>  <i>Vi d có 14 500 đồng</i>  <i>Vi e có 50 700 đồng</i></p> <p>- HS nêu yêu cầu bài tập  - HS làm bài -&gt; Trao đổi N2...  - Chia sẻ KQ trước lớp kết quả  - Thống nhất cách làm và đáp án đúng  *<b>Dự kiến KQ:</b>  <u><b>Bài giải</b></u>  Số tiền mua hết là:  <math>15000 + 25000 = 40000</math> (đồng)  Số tiền còn thừa là:  <math>50000 - 40000 = 10000</math> (đồng)  ĐS : 10000 đồng</p> <p>- HS nêu yêu cầu bài tập  - HS làm bài  - Chia sẻ KQ trước lớp kết quả  - Thống nhất cách làm và đáp án đúng  *<b>Dự kiến KQ:</b></p> <table border="1" data-bbox="781 1881 1369 1944"> <tr> <td>Số cuốn vở</td> <td>1 cuốn</td> <td>2 Cuốn</td> </tr> </table>	Số cuốn vở	1 cuốn	2 Cuốn
Số cuốn vở	1 cuốn	2 Cuốn		

	<i>Thành tiền</i>	<i>1200 đồng</i>
		<i>2400 đồng (...)</i>
<b>Bài 4: (dòng 1, 2) Cá nhân – Cặp đôi – Cả lớp</b>	- HS quan sát mẫu, thực hiện và chia sẻ * Dự kiến kết quả: + 90 000 đồng gồm: 1 tờ 10 000 đồng, 1 tờ 20 000 đồng và 1 tờ 50 000 đồng + 1 000 000 đồng gồm: 1 tờ 10 000 đồng, 2 tờ 20 000 đồng và 1 tờ 50 000 đồng	
<b>Bài 4: (dòng 3)(BT chờ - Dành cho đối tượng hoàn thành sớm)</b>	- GV kiểm tra, đánh giá riêng từng em - HS làm cá nhân và chia sẻ lớp	
<b>3. HĐ ứng dụng (1 phút):</b>	- Tìm hiểu về các tờ tiền có mệnh giá khác.	
<b>4. HĐ sáng tạo (1 phút):</b>	- Tập "Đi chợ"	

### ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

### LUYỆN TỪ VÀ CÂU:

#### ĐẶT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI BẰNG GÌ? DẤU HAI CHẤM

##### MỤC TIÊU:

##### 1. Kiến thức:

- Tìm được bộ phận câu trả lời cho câu hỏi Bằng gì ? Trả lời đúng các câu hỏi Bằng gì ?
- Bước đầu nắm được cách dùng dấu hai chấm.

**2. Kỹ năng:** Trả lời đúng các câu hỏi Bằng gì ?, sử dụng dấu hai chấm hợp lí.

**3. Thái độ:** Yêu thích từ ngữ Tiếng Việt, có ý thức sử dụng đúng dấu hai chấm

**4. Góp phần phát triển năng lực:** NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

##### II. CHUẨN BỊ:

##### 1. Đồ dùng:

- GV: Bảng phụ ghi nội dung BT4.
- HS: SGK.

##### 2. Phương pháp, kĩ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.



- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

### **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p><b>1. HĐ khởi động (3 phút):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trò chơi: “ <i>Dấu câu</i>”</li> <li>- Kết nối kiến thức</li> <li>- Giới thiệu bài mới - Ghi bảng đầu bài.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tham gia trò chơi dưới sự điều hành của TBHT</li> <li>- Học sinh nghe giới thiệu, ghi bài.</li> </ul>
<p><b>2. HĐ thực hành (28 phút):</b></p> <p><b>*Mục tiêu :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm được bộ phận câu trả lời cho câu hỏi Bằng gì ? Trả lời đúng các câu hỏi Bằng gì ?</li> <li>- Bước đầu nắm được cách dùng dấu hai chấm</li> </ul> <p><b>*Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b><u>HD 1: Đặt và trả lời câu hỏi "bằng gì?"</u></b></p> <p><b>Bài tập 1: HĐ cặp đôi -&gt; Cả lớp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giao nhiệm vụ</li> <li>+ Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài 1.</li> <li>+ <i>Gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Bằng gì”?</i></li> </ul> <p><i>*GV theo dõi, giúp đỡ nhóm đối tượng còn lúng túng để hoàn thành BT</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Dựa vào đâu em xác định được đó là bộ phận câu trả lời?</i></li> <li>- GV và HS nhận xét, chốt lại lời giải đúng</li> </ul> <p><b>Bài tập2: Trò chơi Hỏi - Đáp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài 2.</li> <li>+ Trả lời các câu hỏi sau:</li> </ul> <p><i>a. Hằng ngày, em viết bài bằng gì?</i></p> <p><i>b. Chiếc bàn em ngồi học được làm bằng gì?</i></p> <p><i>c. Cá thỏ bằng gì?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Các câu trả lời có chung đặc điểm gì?</i></li> <li>* GV lưu ý đối tượng HS M1 biết đặt và trả lời câu hỏi bằng gì?</li> <li>- GV và HS nhận xét, chốt lời giải đúng.</li> <li>- Yêu cầu đặt và trả lời một số câu hỏi "bằng gì?"</li> </ul> <p><b>*HD 2: Cách sử dụng dấu hai chấm</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 HS nêu YC BT, lớp đọc thầm.</li> <li>*Dự kiến đáp án:</li> <li>a. Voi uống nước <u>bằng vòi.</u></li> <li>b. Chiếc đèn ông sao của bé được làm <u>bằng nan tre dán giấy bóng kính.</u></li> <li>c. Các nghệ sĩ đã chinh phục khán giả <u>bằng tài năng của mình.</u></li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Bộ phận đó bắt đầu bởi chữ "bằng"</i></li> </ul> <p><b>*HĐ cặp đôi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2HS nêu yêu cầu BT, lớp đọc thầm.</li> <li>- HS chơi trò chơi Hỏi- Đáp: Hai HS ngồi cùng bàn hỏi và trả lời</li> <li>* Dự kiến đáp án:</li> <li>+ <i>Hàng ngày, em viết bài bằng chiếc bút.</i></li> <li>+ <i>Chiếc bàn em ngồi học được làm bằng gỗ</i></li> <li>+ <i>Cá thỏ bằng mang</i></li> <li>+ <i>Các câu trả lời cho câu hỏi "bằng gì?"</i></li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hành</li> </ul>

<p><b>Bài tập 3: HD cá nhân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giao nhiệm vụ</li> <li>- Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài</li> <li>+ Điền dấu câu thích hợp vào mỗi ô trống:</li>   <li>+ <i>Vậy dấu hai chấm dùng để làm gì?</i></li>   <li>- GV nhận xét, phân tích chốt lại lời giải đúng.</li> <li>=&gt; GV củng cố về cách dùng dấu hai chấm hợp lí trong khi nói và viết.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-1 HS nêu yêu cầu, lớp đọc thầm.</li> <li>- HS làm bài cá nhân</li> <li>a) <i>Một người kêu lên:</i></li> <li>b) <i>Nhà an dưỡng trang bị cho các cụ những thứ cần thiết:</i></li> <li>c) <i>Đông Nam Á gồm 11 nước là:</i></li> <li>+ <i>Dùng dấu hai chấm khi dẫn lời nói trực tiếp hoặc giải thích, làm rõ ý muốn nói ở phía trước.</i></li> <li>- 1HS đọc lại bài đúng (đã bảng điền dấu câu đúng)</li> </ul>
<p><b>3. HD ứng dụng (3 phút):</b></p> <p><b>4. HD sáng tạo (1 phút):</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt và trả lời các câu hỏi "bằng gì?"</li> <li>- Tìm các đoạn văn khác trong sách có sử dụng dấu hai chấm và cho biết tác dụng của dấu hai chấm</li> </ul>

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....

.....

.....

**TẬP VIẾT:**

**ÔN CHỮ HOA U**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Viết đúng chữ hoa và tương đối nhanh chữ hoa U
- Viết đúng tên riêng : *Uông Bí*
- Viết câu ứng dụng bằng cỡ chữ nhỏ

*Uốn cây từ thuở còn non*

*Dạy con từ thuở con còn bi bô*

**2. Kỹ năng:**

- Rèn kỹ năng viết chữ. Chữ viết rõ ràng, đều nét và thẳng hàng; biết nối nét giữa chữ viết hoa với chữ viết thường trong chữ ghi tiếng.

**3. Thái độ:**

- Yêu thích chữ Việt, có mong muốn được viết chữ đẹp.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

- NL tự chủ và tự học, NL giáo tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

## **II. CHUẨN BỊ:**

### **1. Đồ dùng:**

- GV: Mẫu chữ hoa **U, B, D** viết trên bảng phụ có đủ các đường kẻ và đánh số các đường kẻ. Tên riêng và câu ứng dụng viết sẵn trên bảng lớp.

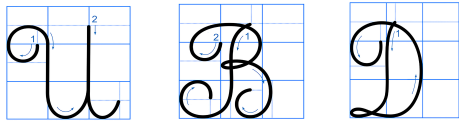
- HS: Bảng con, vở Tập viết

### **2. Phương pháp, kĩ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

## **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HS</b>
<p><b>1. HĐ khởi động (3 phút)</b>                      + 2 HS lên bảng viết từ: <i>Trường Sơn</i>, ...                      + Viết câu ứng dụng của bài trước  <i>Trẻ em như búp trên cành</i>  <i>Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan</i>                      - Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng</p>	<p>- Hát: <i>Chữ càng đẹp, nét càng ngoan</i>                      - Thực hiện theo YC                      - Lốp viết vào bảng con.                      - Nhận xét, tuyên dương bạn                      - Lắng nghe</p>
<p><b>2. HĐ nhận diện đặc điểm và cách viết (10 phút)</b>                      *<b>Mục tiêu:</b> Giúp HS nắm được cách viết đúng chữ hoa, tên riêng, câu ứng dụng. Hiểu nghĩa câu ứng dụng.                      *<b>Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp</b></p>	
<p><b>Việc 1: Hướng dẫn quan sát, nhận xét:</b></p> <p>+ Trong tên riêng và câu ứng dụng có các chữ hoa nào?                      - Treo bảng 3 chữ.                      - Giáo viên viết mẫu cho học sinh quan sát và kết hợp nhắc quy trình.</p> <p><b>Việc 2: Hướng dẫn viết bảng</b>                      - Giáo viên quan sát, nhận xét uốn nắn cho học sinh cách viết các nét.</p> <p><b>Việc 3: Hướng dẫn viết từ ứng dụng</b>                      - Giới thiệu từ ứng dụng: <i>Uông Bí</i>                      =&gt; Là một thành phố thuộc tỉnh Quảng Ninh, nơi có nhà máy nhiệt điện Uông Bí...                      + Gồm mấy chữ, là những chữ nào?                      + Trong từ ứng dụng, các chữ cái có</p>	<p></p> <p>+ <b>U, B, D</b></p> <p>- 3 Học sinh nêu lại quy trình viết                      - Học sinh quan sát.</p> <p>- HS viết bảng con: <b>U, B, D</b></p> <p>- Học sinh đọc từ ứng dụng.</p> <p>+ 2 chữ: <b>Uông Bí</b>                      + Chữ <i>U, B, g</i> cao 2 li rưỡi, chữ <i>ô, n, i</i></p>